



DANH SÁCH CÁC HỘ DÂN CHƯA KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ CẤP GCN
Dự án: Dồn điền đổi thửa và chỉnh trang đồng ruộng tại xã Nghĩa Trung cũ (nay là xã Tư Nghĩa)
Địa điểm: thôn Phú Văn, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Thông báo số 496 /TB-UBND của UBND xã Tư Nghĩa ngày 03 tháng 10 năm 2026)

STT	Chủ sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Tờ BĐDC	Xứ Đồng	Thuộc thôn	Ghi chú
1	Bùi Thị Thiện thừa kế của chồng Nguyễn Anh chết	1677	1.709,0	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
2	Bùi Văn Lung	1883	433,3	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
3	Chế Thị Chức	1723	703,6	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
4	Đào Thị Bông	1880	1.108,7	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
5	Đinh Thị Chưa	1709	425,2	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
6	Hà Thị Tuyết Minh	1689	658,0	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
7	Huỳnh Minh Trinh	1854	1.582,6	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
8	Huỳnh Tam	1843	1.163,9	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
9	Huỳnh Văn Lê	1848	718,1	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
10	Lê Thị Huyền Nga	1899	750,5	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
11	Lê Võ	1832	449,9	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
12	Mai Biện	1892	683,4	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
13	Mai Phụng	1712	1.268,8	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
14	Nguyễn ánh	1713	1.355,0	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
15	Nguyễn Danh	1814	1.139,4	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
16	Nguyễn Nương	1708	416,6	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
17	Nguyễn Phi Dìn	1715	500,8	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
18	Nguyễn Phi Đua	1702	469,5	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
19	Nguyễn Phi Bích	1704	627,0	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
20	Nguyễn Phi Hùng	1896	1.713,4	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
21	Nguyễn Phi Thủy	1706	366,0	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
22	Nguyễn Sang	1722	840,8	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
23	Nguyễn Thị Cúc thừa kế của chồng Phan Mao	1707	249,6	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
24	Nguyễn Thị Hùng	1827	1.294,5	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
		1849	1.006,3	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
25	Nguyễn Thị Tri	1852	862,6	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
26	Nguyễn Thị Xuân	1806	1.516,6	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
27	Nguyễn Thị Xuân thừa kế chồng nguyên Muộn	1860	1.083,0	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
28	Nguyễn Thiêm	1833	522,5	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
29	Phạm Mông	1929	366,5	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
30	Phạm Thị Biện	1847	663,6	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
31	Phạm Thị Nhạn	1904	1.705,1	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
32	Phạm Thị Nhung	1834	441,2	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
33	Phạm Thị Tàu thừa kế của chồng Dương Thiện	1671	504,2	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
34	Phạm Thị Vững	1901	1.010,8	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
35	Phạm Vinh Lựu	1665	1.093,5	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
		1777	202,0	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
36	Phan Bộ thừa kế của vợ Trần Thị Nuôi	1792	1.894,4	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
37	Phan Hoàng	1895	196,3	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
38	Trương Thị Cẩm	2050	234,8	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
39	Phan Trọng Bình	1560	561,9	LUC	84	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
40	Phan Văn Hùng	1882	424,8	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
41	Trần Thị Tuyết Lan thừa kế của chồng Nguyễn Duy Hiền	1675	705,2	LUC	78	Đồng Cây Móc	Phú Văn	
42	Trương Thị Lân (chết)	1908	1.247,2	LUC	79	Đồng Cây Móc	Phú Văn	

43	Bùi Văn Bình (chết), Nguyễn Thị Mai đại diện	1998	773,0	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
		2007	1.361,8	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
44	Lê Chiến	1999	265,7	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
45	Lê Hội	2008	564,9	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
46	Nguyễn Nê	1598	473,9	LUC	84	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
47	Nguyễn Thị Tri	1996	1.055,3	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
48	Nguyễn Thiêm	1603	681,9	LUC	84	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
49	Nguyễn Văn Dương	2042	521,3	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
50	Phan Tấn Đức	2009	897,6	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
51	Trần Thị Ngọc	1608	181,4	LUC	84	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
52	Trần Thị Hoa	2035	462,0	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
53	Trịnh Ngọc Sơn	2038	678,9	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
54	Nguyễn Phi Tuấn	2043	900,3	LUC	79	Đồng Cây Xoài	Phú Văn	
55	Huỳnh Nhi	1708	604,0	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	
56	Huỳnh Tam	1710	822,0	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	
57	Nguyễn Thị Bông	1743	1.544,0	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	
58	Nguyễn Thị Đỏ	1728	695,7	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	
59	Nguyễn Thị Nghê	1749	550,0	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	
60	Phạm Ngọc Lưu	1759	864,0	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	
61	Phan Đình Cương	1731	1.269,2	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
62	Võ Thị Gián	1754	1.127,0	LUC	84	Đồng Ga	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
63	Bùi Thị Việt	1330	1.408,0	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
64	Phạm Thị Hạnh	1338	1.136,6	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
65	Kiều Thị Bình	1341	767,5	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
66	Nguyễn Thị Cầu(chết)	1354	1.007,4	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
67	Nguyễn Văn Hiệp	1356	557,2	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
68	Đồng Thị Thanh Thủy	1386	776,2	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
69	Lê Văn Quảng	1387	269,5	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
70	Lê Nguyệt	1389	949,1	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
71	Đỗ Thị Toan	1392	917,0	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
72	Lương Thị Soạn	1401	1.272,0	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
73	Bùi Thị Quy	1403	826,9	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
74	Nguyễn Tráng	1406	699,8	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
75	Nguyễn Khánh Hòa	1407	815,2	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
76	Nguyễn Nhuận	1411	1.019,3	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
77	Huỳnh Thị Hồng	1418	980,3	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
78	Trương Thị Xuân	1430	1.686,2	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
79	Lê Thị Xuân	1433	964,2	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
80	Bùi Tá Hoàng	1379	1.077,5	LUC	83	Đồng Công Điền	Phú Văn	
81	Bùi Văn Học	1613	2.314,3	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
82	Huỳnh Tấn Phưởng	1735	1.338,1	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
83	Lê Chiến	1701	1.925,0	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
84	Nguyễn Bé + Nguyễn Văn Phú	1672	746,4	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
		1659	1.662,0	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
85	Nguyễn Thị Lã	1696	960,6	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
86	Nguyễn Thị Mai	1698	612,3	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
87	Nguyễn Thị Xuân (chết)	1682	1.010,4	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
88	Nguyễn Thị Xuân (chết) con Trương Văn Sanh	1632	1.437,0	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
		1710	459,2	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
		1643	760,8	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
89	Phan Thượng Tân	1684	1.281,1	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
		1747	695,2	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
90	Lê Ba	1721	1.987,3	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
		1741	587,9	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	
		1760	289,9	LUC	79	Đồng Từ Điền	Phú Văn	

91	Phạm Dũng (chết), Lương Thị Thanh Đám vợ	1742	1.295,4	LUC	79	Đồng Từ Diền	Phú Văn	
92	Lê Hội (chết), Nguyễn Thị Giàu	1738	1.563,5	LUC	79	Đồng Từ Diền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
93	Dương Thiện(chết), Phạm Thị	1736	1.148,0	LUC	79	Đồng Từ Diền	Phú Văn	Hộ dân đã cung cấp GCN gốc
Tổng		102	92.368,3					